

DEVELOPING DIGITAL COMPETENCIES FOR SECONDARY SCHOOL TEACHERS MEETING THE REQUIREMENTS OF EDUCATIONAL REFORM IN THE CONTEXT OF INTEGRATION AND GLOBALIZATION

Pham Van Son

AM Institute of Education and Technology

Email: pvson@moet.edu.vn

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0001-0241-6494>

Article History

Received: 07/02/2026

Reviewed: 17/4/2026

Revised: 09/5/2026

Accepted: 15/6/2026

Released: 30/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i6.a106>

Abstract:

Teachers play a crucial role in shaping the personality and holistic development of students. Besides professional ethics, training, and expertise, general education teachers need information technology skills, especially digital skills. In the context of international integration, developing digital skills for general education teachers is an urgent requirement to meet the demands of general education reform and digital transformation in schools. This article discusses the development of digital skills for general education teachers to meet the requirements of educational reform in the context of current international integration and globalization.

Keywords: Development; Digital skills; General education teachers; Requirements for educational reform.

UNESCO: 1203.13; 1203.21; 1203.26; 1203.30; 1203.37

OECD FORD: 5.03.05; 5.03.07; 5.03.09

ISCED-F 2013: 0111; 0114; 0188

SDGs: SDG 4; SDG 4.4; SDG 4.c

1. Mở đầu

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, năng lực số (NLS) của giáo viên nói chung, giáo viên phổ thông nói riêng giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng toàn diện học sinh.

Giáo dục phổ thông Việt Nam là hệ thống giáo dục quốc dân gồm tiểu học, trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) (từ lớp 1 đến lớp 12) nhằm phát triển toàn diện nhân cách, tri thức và kỹ năng cơ bản của học sinh. Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, hệ thống chia thành giai đoạn cơ bản (lớp 1 - 9) và định hướng nghề nghiệp (lớp 10 - 12), chú trọng phát triển 5 phẩm chất và 10 năng lực cốt lõi. (Giáo dục và Đào tạo; 2026), (Bộ Giáo dục và Đào tạo; 2026).

Giáo viên phổ thông tại Việt Nam (tiểu học, THCS, THPT) là viên chức giảng dạy đáp ứng chuẩn nghề nghiệp, được phân hạng chức danh (I, II, III). Từ năm 2026, giáo viên đánh giá theo vị trí việc làm, cần chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp mới và được hưởng bảng lương cao nhất. Giáo viên chủ nhiệm được giảm tiết dạy và nhận phụ cấp.

Nhiệm vụ chính của giáo viên phổ thông (Bộ Giáo dục và Đào tạo; 2026):

- Giảng dạy và giáo dục theo kế hoạch của nhà trường.
- Chủ nhiệm lớp: Giáo viên xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh.
- Giáo viên trau dồi đạo đức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Giáo viên phối hợp với gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh.

Phát triển NLS cho giáo viên phổ thông trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đặc biệt trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp 4.0 là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và chuyển đổi số. Phát triển NLS cho giáo viên cần sự phối hợp đồng bộ giữa chính sách, hạ tầng kỹ thuật, tài nguyên số và cơ chế đánh giá. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, tại nhiều cơ sở giáo dục phổ thông, đặc biệt ở các địa phương còn khó khăn về cơ sở vật chất và năng lực quản lý, phát triển NLS cho giáo viên vẫn còn nhiều hạn chế như việc thiếu kinh phí phân bổ, các kế hoạch phát triển NLS chưa có lộ trình rõ ràng, hỗ trợ kinh phí, việc kiểm tra đánh

giá chưa được thường xuyên. Chính từ những lý do đó, bài nghiên cứu này thực hiện với mục tiêu làm rõ một số vấn đề lý luận về phát triển NLS, thực trạng phát triển NLS của giáo viên và đề xuất biện pháp phát triển NLS cho giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chuyên đổi số trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo ở nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

2. Một số vấn đề lý luận về phát triển NLS cho giáo viên phổ thông

2.1. Khái niệm về NLS

NLS (Digital Literacy) là khả năng tìm kiếm, đánh giá, sử dụng, chia sẻ và tạo nội dung thông qua công nghệ kỹ thuật số một cách an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm. Đây là tập hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ thiết yếu để con người học tập, làm việc và sống trong Kỷ nguyên số hóa.

NLS đã xuất hiện hơn 20 năm và thường được sử dụng song song với các khái niệm như kỹ năng số, năng lực công nghệ, năng lực thông tin và năng lực truyền thông. Theo UNESCO (2018), NLS là năng lực quan trọng cần phát triển trong thế kỷ XXI. NLS không chỉ dừng lại ở kỹ thuật, mà còn bao gồm khả năng phân tích thông tin, đánh giá tình huống và áp dụng kiến thức để đưa ra quyết định thông minh. Đây là một kỹ năng quan trọng trong thời đại số hóa hiện nay.

2.2. Khái niệm về NLS trong giáo dục

NLS trong giáo dục là khả năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để hỗ trợ quá trình dạy và học. Điều này bao gồm việc sử dụng các công cụ kỹ thuật số để tìm kiếm, đánh giá và chia sẻ thông tin, cũng như tạo ra nội dung số và hợp tác trực tuyến.

2.3. Quy định về giáo viên phổ thông tại Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT

Ngày 24/3/2026, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Theo Điều 26 Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT, quy định về giáo viên phổ thông như sau:

- Giáo viên trường phổ thông phải đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên tương ứng với cấp học giảng dạy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhiệm vụ của giáo viên phổ thông:

+ Giáo viên thực hiện nhiệm vụ tương ứng với vị trí việc làm được giao theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Giáo viên làm công tác chủ nhiệm: Thực hiện các nhiệm vụ của giáo viên theo quy định; Xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục

của lớp nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh; tổ chức các hoạt động sinh hoạt lớp; Tổng hợp nhận xét, đánh giá học sinh cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn học sinh bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp, học sinh phải rèn luyện trong kỳ nghỉ hè; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho học sinh; Hướng dẫn, quản lý học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, hoạt động giáo dục và rèn luyện học sinh do nhà trường tổ chức; Báo cáo thường kỳ hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

+ Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội (đối với trường phổ thông có cấp tiểu học, cấp THCS), giáo viên làm Bí thư Đoàn (đối với trường phổ thông có cấp THPT) chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

- Quyền và nghĩa vụ của giáo viên phổ thông:

+ Giáo viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Nhà giáo; tự học, bồi dưỡng để bảo đảm đáp ứng yêu cầu đột phá giáo dục trong bối cảnh chuyên đổi số và đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường theo lộ trình phù hợp.

+ Giáo viên làm công tác chủ nhiệm: Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điểm nêu trên; Được dự các giờ học, hoạt động giáo dục khác của học sinh lớp do mình làm chủ nhiệm; Được dự các cuộc họp của hội đồng khen thưởng và hội đồng kỷ luật khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến học sinh của lớp do mình làm chủ nhiệm; Được dự các lớp bồi dưỡng, hội nghị chuyên đề về công tác chủ nhiệm; Được quyền cho phép cá nhân học sinh có lý do chính đáng nghỉ học không quá 03 ngày liên tục; Được giám định mức tiết dạy theo quy định; Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi là cha mẹ học sinh), giáo viên, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, các đoàn thể và các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh lớp chủ nhiệm; Hướng dẫn, quản lý học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm hướng nghiệp, hoạt động giáo dục và rèn luyện học sinh do nhà trường tổ chức; Báo cáo thường kỳ hoặc đột xuất về tình hình của lớp với hiệu trưởng.

2.4. Phát triển NLS cho giáo viên phổ thông

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông, NLS giúp người học và người dạy: Tìm kiếm và đánh giá thông tin; Sáng tạo nội dung; Hợp tác và giao tiếp; Giải quyết vấn đề trong giáo dục, dạy học.

Phát triển NLS cho giáo viên phổ thông không chỉ là trang bị kỹ thuật, mà còn là sự chuyên đổi tư duy, giúp giáo viên tự tin, linh hoạt trong việc khai thác công nghệ để nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trong bối cảnh chuyên đổi số. Quá trình này không chỉ dừng lại ở việc biết cách sử dụng thiết bị công nghệ (máy tính, máy chiếu, bảng thông minh, thiết bị dạy thực hành...) hay phần mềm hỗ trợ giảng dạy, mà còn bao gồm: Ứng dụng công nghệ số để thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp với học sinh. Tích hợp công nghệ vào quá trình giảng dạy nhằm tạo môi trường học tập phong phú, hấp dẫn. Sử dụng công cụ số để quản lý và trao đổi thông tin với phụ huynh, đồng nghiệp và nhà trường... Như vậy, phát triển NLS cho giáo viên phổ thông là quá trình nâng cao kiến thức, kỹ năng và thái độ của giáo viên trong việc sử dụng công nghệ số một cách hiệu quả, sáng tạo và an toàn nhằm hỗ trợ giảng dạy, quản lý lớp học và phát triển nghề nghiệp của giáo viên.

3. Thực trạng phát triển NLS của giáo viên phổ thông hiện nay

Tác giả tiến hành nghiên cứu lý thuyết, khảo sát một số ý kiến cán bộ quản lý; giáo viên tại một số trường phổ thông: Tiểu học, THCS, THPT ở một số địa phương trong năm 2025 và đầu năm 2026 bằng hình thức Online. Tác giả sử dụng các phương pháp điều tra thu thập số liệu, thông tin bằng các phiếu hỏi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù các trường đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức bồi dưỡng và ứng dụng công nghệ, song công tác phát triển NLS vẫn còn một số hạn chế về tuyên truyền giáo dục và NLS, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch và kiểm tra đánh giá mức độ phát triển NLS của giáo viên phổ thông. Thực trạng cũng cho thấy, phát triển NLS cho giáo viên phổ thông đang trong giai đoạn chuyên đổi tích cực, bước đầu tích hợp công nghệ và AI vào giảng dạy nhưng chưa đồng đều. Phần lớn giáo viên đã có kỹ năng cơ bản, song năng lực ứng dụng số để cá nhân hóa giáo dục và đổi mới phương pháp dạy học còn hạn chế, đặc biệt ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Cụ thể như sau:

Ưu điểm: Ngành giáo dục bắt đầu chú trọng đến phát triển NLS cho giáo viên, xây dựng quy chuẩn NLS. NLS được quy định rõ trong chuẩn nghề nghiệp mới, yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin/công nghệ số vào hoạt động dạy học. Giáo viên phổ thông đã ứng dụng công nghệ để soạn bài, trình chiếu và một số nơi áp dụng trí tuệ nhận tạo trong thiết kế giáo án nhưng ở mức độ chưa đồng đều.

Hạn chế: Sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền, thiếu cơ sở vật chất. Phát triển NLS cho giáo viên phổ thông mới dừng lại ở mức kỹ năng cơ bản (tin học văn phòng), chưa chuyên sâu về an toàn trên không gian mạng và ứng dụng công nghệ cao. Cơ sở vật chất ở một số địa phương, đặc biệt là trường công lập còn gặp khó khăn, thiếu thiết bị số đồng bộ; Tâm

lý và kỹ năng của giáo viên phổ thông, nhất là giáo viên lớn tuổi gặp khó khăn trong việc cập nhật công nghệ mới, trong khi giáo viên trẻ chủ động hơn. Nội dung đào tạo giáo viên phổ thông, các chương trình tập huấn đôi khi còn mang tính hình thức, chưa thực sự chú trọng kỹ năng ứng dụng thực tế. Theo các xu hướng mới, việc phát triển NLS không chỉ giúp giáo viên phổ thông thích ứng với chuyên đổi số, mà còn giúp nâng cao chất lượng cá nhân hóa người học trong hoạt động giáo dục, đào tạo.

4. Biện pháp phát triển NLS cho giáo viên phổ thông trong bối cảnh hội nhập hiện nay

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát, phân tích thực trạng, tác giả đề xuất một số biện pháp phát triển NLS cho giáo viên phổ thông, góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyên đổi số trong giáo dục phổ thông hiện nay.

4.1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của NLS trong giáo dục và quản lý phát triển NLS

- Mục đích biện pháp này là tạo ra sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò, ý nghĩa và tính cấp thiết của phát triển NLS. Khi nhận thức đúng đắn, giáo viên sẽ chủ động học hỏi, sẵn sàng tiếp cận công nghệ mới và áp dụng vào giảng dạy, quản lý lớp học hiệu quả hơn.

- Nội dung biện pháp: tập trung vào việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến phát triển NLS và chuyên đổi số trong giáo dục. Nội dung bao gồm giới thiệu Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT quy định Khung NLS cho người học; Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyên đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT). Ngoài ra, các trường phổ thông còn chú trọng đến việc nâng cao vai trò của tổ trưởng chuyên môn như là người dẫn dắt giáo viên trong việc tiếp cận và hiểu rõ các nội dung liên quan đến NLS. Việc học tập kinh nghiệm từ mô hình tốt, tổ chức hội thảo chuyên đề, chia sẻ thực tiễn cũng là phân thiết yếu để lan tỏa nhận thức trong toàn trường.

- Cách thực hiện biện pháp: Ban giám hiệu cần chủ động đưa nội dung phát triển NLS vào chương trình sinh hoạt chuyên môn, hội họp giáo viên và tập huấn đầu năm. Các hình thức truyền thông nội bộ như bảng tin trường, nhóm Zalo giáo viên, Video truyền thông cũng nên được tận dụng nhằm lan tỏa thông tin. Nhà trường có thể mời chuyên gia, giáo viên cốt cán chia sẻ trong các buổi sinh hoạt chuyên đề. Đồng thời, tổ trưởng chuyên môn cần chủ động nắm vững thông tin và định hướng tổ chức các buổi trao đổi ngắn trong tổ về nội dung NLS. Tổ chức tham quan mô hình, giao lưu học hỏi giữa các trường có thể tăng tính trực quan và tạo hứng khởi

cho giáo viên. Bên cạnh đó, cần gắn công tác truyền thông với hoạt động đánh giá nhằm xác định sự thay đổi về nhận thức và ý thức của đội ngũ.

Hiệu trưởng và đội ngũ quản lý nhà trường cần tiên phong trong tiếp nhận, học tập và truyền thông các chủ trương về chuyển đổi số, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển đội ngũ. Nhà trường cần có kế hoạch cụ thể, phân công rõ nhiệm vụ cho các bộ phận, đảm bảo sự đồng thuận trong toàn thể hội đồng sư phạm. Hạ tầng thông tin, công cụ truyền thông nội bộ cũng cần được chuẩn bị để hỗ trợ quá trình triển khai.

4.2. Cải tiến việc lập kế hoạch phát triển NLS cho giáo viên phổ thông theo hướng phù hợp thực tiễn và hiệu quả

- Mục đích biện pháp này nhằm nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch phát triển NLS cho giáo viên phổ thông một cách khoa học, hệ thống và sát thực tiễn. Việc lập kế hoạch bài bản sẽ giúp nhà trường tổ chức hiệu quả các hoạt động bồi dưỡng, đồng thời đảm bảo phù hợp với nhu cầu và điều kiện cụ thể của từng giáo viên; xác định rõ mục tiêu, lộ trình, chỉ tiêu, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực, tránh lãng phí và chồng chéo.

- Nội dung biện pháp: Tổ chức lại toàn bộ quy trình lập kế hoạch theo hướng lấy thực tiễn làm trung tâm. Trước hết, nhà trường cần tiến hành khảo sát NLS hiện tại của giáo viên một cách khách quan, có thể thông qua bảng hỏi, phỏng vấn, dự giờ hoặc phiếu tự đánh giá. Kết quả khảo sát sẽ làm căn cứ để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, xác định nhu cầu bồi dưỡng thực tế cũng như điều kiện sẵn có về cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm công nghệ... Sau đó, kế hoạch được xây dựng theo lộ trình rõ ràng, có thể chia thành các giai đoạn như làm quen, ứng dụng cơ bản, thành thạo và sáng tạo. Mỗi giai đoạn cần xác định mục tiêu cụ thể, nội dung tập huấn, hình thức triển khai, người phụ trách và các tiêu chí đánh giá phù hợp. Kế hoạch cũng cần phân công rõ nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban giám hiệu, Tổ chuyên môn và Giáo viên cốt cán để đảm bảo triển khai đồng bộ, hiệu quả.

- Cách thực hiện biện pháp: Hiệu trưởng chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Trước tiên, cần tổ chức các cuộc họp chuyên môn để phổ biến định hướng phát triển NLS và thống nhất nhận thức trong tập thể giáo viên. Tiếp đến là khâu khảo sát - thu thập thông tin về trình độ công nghệ của giáo viên, điều kiện thiết bị, kết nối Internet, phần mềm đang sử dụng và các khó khăn cụ thể. Dựa vào dữ liệu đó, nhà trường xây dựng kế hoạch chi tiết, chia theo từng giai đoạn triển khai với mốc thời gian rõ ràng. Trong quá trình triển khai, ban giám hiệu cần theo dõi sát sao tiến độ thực hiện, tổ chức các cuộc họp định kỳ để tháo gỡ vướng mắc và điều chỉnh kế hoạch nếu cần thiết, Chuẩn bị nguồn lực đầy đủ và phù hợp, bố trí thời gian hợp lý để giáo viên có thể tham gia các hoạt

động bồi dưỡng mà không bị ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, tạo môi trường làm việc thuận lợi và khuyến khích giáo viên sáng tạo và chia sẻ với các giáo viên trong nhà trường.

4.3. Xây dựng cơ chế tổ chức hiệu quả phát triển NLS cho giáo viên phổ thông

- Mục đích biện pháp này nhằm xây dựng cơ chế tổ chức hiệu quả, giúp giáo viên chủ động tiếp cận, ứng dụng công nghệ và phát triển chuyên môn. Hoạt động bài bản sẽ tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích giáo viên sáng tạo và lan tỏa văn hóa số trong nhà trường.

- Nội dung biện pháp: Nhà trường cần thiết kế hoạt động bồi dưỡng theo nhu cầu, trình độ thực tế của giáo viên. Hiệu trưởng thành lập Ban chỉ đạo gồm các cán bộ quản lý, chuyên môn và công nghệ thông tin để xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ và giám sát triển khai. Các hoạt động có thể bao gồm: tập huấn phần mềm giảng dạy, thiết kế bài giảng số, chia sẻ kinh nghiệm, lớp học mô hình, câu lạc bộ công nghệ... Hình thức bồi dưỡng cần đa dạng: trực tiếp, trực tuyến, tự học. Hoạt động tổ chức cũng nên gắn với đánh giá kết quả, ghi nhận sáng kiến và sự tiên bộ của giáo viên.

- Cách thức thực hiện biện pháp: Hiệu trưởng giữ vai trò điều phối, phân công cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo. Căn cứ khảo sát nhu cầu, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động theo từng giai đoạn, xác định nội dung, thời điểm, người phụ trách và kinh phí. Kế hoạch được phổ biến rộng rãi, lấy ý kiến giáo viên để điều chỉnh phù hợp. Trong tổ chức, cần chú trọng thực hành thao tác trên thiết bị, phần mềm, thiết kế sản phẩm số. Sau mỗi đợt bồi dưỡng, cần đánh giá, thu thập phản hồi và điều chỉnh nội dung phù hợp. Có thể kết hợp sinh hoạt chuyên đề, mời chuyên gia, giao lưu với trường bạn để mở rộng cơ hội học hỏi. Hiệu trưởng cần thể hiện vai trò lãnh đạo sát sao và chủ động. Nguồn tài chính phải ổn định, rõ ràng, đảm bảo cho các hoạt động tập huấn, tài liệu, thiết bị và động viên khen thưởng. Cơ sở vật chất cần đáp ứng tối thiểu như máy tính, Internet, phần mềm giảng dạy. Đội ngũ giáo viên cốt cán có kỹ năng công nghệ là lực lượng hỗ trợ quan trọng.

4.4. Chỉ đạo phát triển NLS cho giáo viên theo hướng sát sao và đồng hành

- Mục đích biện pháp này nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo, đảm bảo các hoạt động bồi dưỡng được triển khai đúng hướng, bài bản và có tác động lan tỏa. Thay vì chỉ ban hành văn bản, công tác quản lý cần gắn liền với đồng hành, hỗ trợ và tạo điều kiện để giáo viên chủ động ứng dụng công nghệ vào giảng dạy, giảng dạy học sinh.

- Nội dung biện pháp: Cần xây dựng cơ chế chỉ đạo toàn diện từ kế hoạch, phân công, giám sát đến đánh giá. Hiệu trưởng cần trực tiếp tham gia các khâu triển khai và chỉ đạo xây dựng kế hoạch tại

chính riêng cho các hoạt động như tập huấn, thiết bị, phần mềm, tài liệu... Đồng thời, cần đánh giá hiện trạng công nghệ, nâng cấp thiết bị, phân công nhân sự phụ trách kỹ thuật và tổ chức bảo trì định kỳ. Việc thúc đẩy giáo viên chia sẻ kinh nghiệm, sáng kiến cũng là một phần trong nội dung chỉ đạo nhằm xây dựng văn hóa học tập tích cực.

- Cách thức thực hiện biện pháp: Hiệu trưởng thành lập tổ công tác chuyên trách hoặc Ban chỉ đạo, phân công rõ nhiệm vụ: khảo sát thực trạng, xây dựng kế hoạch, điều phối hoạt động và theo dõi kết quả. Cần khảo sát NLS, lập kế hoạch tài chính chi tiết, đầu tư thiết bị theo ưu tiên và gắn với chương trình tập huấn. Có thể triển khai thí điểm ở một tổ chuyên môn trước khi mở rộng. Ban chỉ đạo họp định kỳ để theo dõi tiến độ, tháo gỡ vướng mắc và kịp thời tuyên dương giáo viên đi đầu nhằm tạo động lực đổi mới bền vững.

Nhà trường cần đảm bảo nguồn kinh phí ổn định, minh bạch (trong ngân sách hoặc xã hội hóa) và cơ sở vật chất công nghệ cơ bản như máy tính, mạng Internet, phần mềm giảng dạy. Ngoài ra, cần có đội ngũ giáo viên nòng cốt hỗ trợ kỹ thuật và cơ chế phối hợp giữa các tổ chuyên môn. Nhà trường cần khuyến khích học hỏi, chia sẻ và đổi mới – là nền tảng để chỉ đạo thực sự trở thành động lực phát triển NLS một cách bền vững và hiệu quả.

4.5. Đảm bảo thường xuyên hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả phát triển NLS cho giáo viên phổ thông

- Mục đích biện pháp này nhằm đảm bảo quá trình phát triển NLS cho giáo viên được thực hiện đúng hướng, thực chất và hiệu quả. Qua kiểm tra, đánh giá, nhà trường kịp thời nắm bắt trình độ, điều chỉnh kế hoạch bồi dưỡng phù hợp và hỗ trợ thiết thực. Đồng thời, hoạt động này khuyến khích giáo viên chủ động học hỏi, ứng dụng công nghệ vào giảng dạy, góp phần nhân rộng điển hình tốt và nâng cao chất lượng quản lý giáo dục trong thời kỳ chuyển đổi số.

- Nội dung biện pháp: Cần thiết lập hệ thống kiểm tra, đánh giá NLS một cách bài bản, thực tế và phù hợp với giáo dục phổ thông. Trước tiên, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, bao gồm các năng lực như thiết kế bài giảng ứng dụng công nghệ, sử dụng phần mềm dạy học, khai thác tài nguyên số, giao tiếp trực tuyến với phụ huynh, bảo mật thông tin... Ngoài ra, nên đánh giá quá trình tham gia bồi dưỡng, mức độ vận dụng và sản phẩm thực tế như bài giảng số, phản hồi của đồng nghiệp, phụ huynh. Hình thức đánh giá cần đa dạng: tự đánh giá, đánh giá chéo, đánh giá của tổ chuyên môn và Ban giám hiệu. Hoạt động đánh giá nên lồng ghép vào sinh hoạt chuyên môn, thao giảng, hồ sơ điện tử... để đảm bảo tính liên tục và khách quan.

- Cách thức thực hiện biện pháp: Hiệu trưởng chỉ

đạo thành lập tổ công tác hoặc phân công tổ chuyên môn phối hợp triển khai đánh giá. Bắt đầu từ việc xây dựng, ban hành tiêu chí và biểu mẫu đánh giá theo các mức độ NLS. Tổ chức tập huấn để giáo viên hiểu rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp đánh giá. Kiểm tra được thực hiện định kỳ (quý/học kỳ) và lồng ghép vào hoạt động thường xuyên như dự giờ, hội thi, trình bày sản phẩm công nghệ... Kết quả đánh giá cần phản hồi minh bạch, xây dựng, giúp giáo viên tự hoàn thiện. Đồng thời, kết quả là cơ sở xét thi đua, khen thưởng, bồi dưỡng và quy hoạch đội ngũ nòng cốt.

Triển khai hiệu quả biện pháp đòi hỏi sự quan tâm chỉ đạo từ Ban giám hiệu, nhất là vai trò chủ động của hiệu trưởng trong lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ. Đội ngũ đánh giá phải có chuyên môn và kỹ năng đánh giá công tâm. Cần đảm bảo cơ sở vật chất như máy tính, Internet, phần mềm và công cụ khảo sát điện tử. Bên cạnh đó, nguồn kinh phí ổn định cho tổ chức đánh giá và động viên kịp thời cũng rất quan trọng. Quan trọng nhất là sự hợp tác tích cực của giáo viên, xem đánh giá là cơ hội phát triển thay vì áp lực, từ đó tạo điều kiện để hoạt động kiểm tra – đánh giá trở thành động lực nâng cao NLS thực chất.

5. Kết luận

Phát triển NLS cho giáo viên phổ thông là một yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số toàn diện của ngành Giáo dục. Phát triển NLS là nhiệm vụ thiết yếu trong chuyển đổi số giáo dục phổ thông. Nghiên cứu cho thấy, việc phát triển NLS cho giáo viên phổ thông là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện của ngành Giáo dục. Kết quả khảo sát thực tiễn cho thấy, giáo viên phổ thông đã có nhận thức tương đối tốt về vai trò của công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin vào giáo dục, dạy học. Tuy nhiên, còn nhiều bất cập như lập kế hoạch thiếu cụ thể, tổ chức thực hiện chưa đồng bộ, cơ sở vật chất hạn chế, chỉ đạo còn mang tính hình thức và kiểm tra, đánh giá chưa hiệu quả. Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất năm biện pháp gồm: Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của NLS trong giáo dục và quản lý phát triển NLS; Cải tiến việc lập kế hoạch phát triển NLS cho giáo viên phổ thông theo hướng phù hợp thực tiễn và hiệu quả; Xây dựng cơ chế tổ chức hiệu quả phát triển NLS cho giáo viên phổ thông; Chỉ đạo phát triển NLS cho giáo viên theo hướng sát sao và đồng hành; Đảm bảo thường xuyên hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả phát triển NLS cho giáo viên phổ thông. Các biện pháp được thiết kế đồng bộ, có thể triển khai rộng rãi trong hệ thống giáo dục phổ thông, góp phần phát triển đội ngũ giáo viên phổ thông có tư duy số, sẵn sàng thích ứng với đổi mới giáo dục phổ thông trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Area, M., & Adell, J. (2021). Technologies and Teacher Digital Competence in the Post-COVID Era. *Education Sciences*, 11(9), 512. <https://doi.org/10.3390/educsci11090512>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT quy định Khung năng lực số cho người học. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên. Hà Nội.
- Instefjord, E., & Munthe, E. (2017). Educating Digitally Competent Teachers. *Teaching and Teacher Education*, 67, 37–45. <https://doi.org/10.1016/j.tate.2017.05.016>
- Koehler, M. J., & Mishra, P. (2009). What Is Technological Pedagogical Content Knowledge (TPACK)? *Contemporary Issues in Technology and Teacher Education*, 9(1), 60–70. <https://www.learntechlib.org/p/29544/>
- Lucas, M., Bem-Haja, P., Siddiq, F., & Moreira, A. (2021). The Relation Between Teachers' Digital Competence and Professional Development. *Computers & Education*, 173, 104278. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2021.104278>
- Nguyễn, T. G. (2022). Đề xuất một số biện pháp phát triển năng lực số cho đội ngũ giáo viên trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Giáo dục*, 22(19), 25–28.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC
TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ TOÀN CẦU HÓA

Phạm Văn Sơn

Viện Giáo dục và Công nghệ AM

Email: pvson@moet.edu.vn

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0001-0241-6494>

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 07/02/2026

Ngày phản biện: 17/4/2026

Ngày tác giả sửa: 09/5/2026

Ngày duyệt đăng: 15/6/2026

Ngày phát hành: 30/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i6.a106>

Tóm tắt:

Giáo viên là những người đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và phát triển toàn diện cho học sinh. Ngoài đạo đức nghề nghiệp, trình độ đào tạo, chuyên môn, giáo viên phổ thông cần có năng lực công nghệ thông tin, đặc biệt là năng lực số. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát triển năng lực số cho giáo viên phổ thông là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng đổi mới giáo dục phổ thông và chuyển đổi số trong trường học. Bài viết trình bày về phát triển năng lực số cho giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay.

Từ khóa: Phát triển; Năng lực số; Giáo viên phổ thông; Yêu cầu đổi mới giáo dục.

UNESCO: 1203.13; 1203.21; 1203.26; 1203.30; 1203.37

OECD FORD: 5.03.05; 5.03.07; 5.03.09

ISCED-F 2013: 0111; 0114; 0188

SDGs: SDG 4; SDG 4.4; SDG 4.c